

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TỐT NGHIỆP NGÀNH LUẬT
KHÓA 41 - HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY - ĐỢT 5 (Tháng 01-2021)

TT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Số TCTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại TN	Số vào sổ gốc cấp phát VB	Ghi chú
1	410138	Ngô Khánh Linh	21/12/1998	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	127	2.62	Khá		
2	410209	Trần Văn Sinh	18/07/1998	Nam Định	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	129	2.74	Khá		
3	410215	Lê Thị Hương Giang	27/07/1996	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	3.03	Khá		
4	410220	Tô Thị Đệ	20/12/1996	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	Ngành Luật	2021	128	2.63	Khá		
5	410221	Mai Văn Duân	19/01/1998	Hà Giang	Nam	Tày	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.54	Khá		
6	410231	Nông Thị Trang	22/07/1998	Quảng Ninh	Nữ	Tày	Việt Nam	Ngành Luật	2021	128	2.63	Khá		
7	410248	Hoàng Phương Thảo	20/01/1998	Yên Bái	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	131	2.75	Khá		
8	410253	Bàn Thị Tâm	05/03/1997	Bắc Kạn	Nữ	Dao	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.78	Khá		
9	410317	Trương Thị Hiền	22/02/1998	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.97	Khá		
10	410354	Hoàng Đức Giang	13/10/1997	Lạng Sơn	Nam	Tày	Việt Nam	Ngành Luật	2021	128	2.66	Khá		
11	410402	Vũ Trần Tiến Anh	11/02/1998	Yên Bái	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.62	Khá		
12	410416	Trịnh Thị Thanh Huyền	02/12/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.73	Khá		
13	410429	Đặng Thị Tú Oanh	14/04/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	3.31	Giỏi		
14	410449	Hoàng Thị Huyền	20/02/1997	Hà Giang	Nữ	Tày	Việt Nam	Ngành Luật	2021	131	2.56	Khá		
15	410517	Đặng Ngọc Anh	11/08/1998	Hòa Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.57	Khá		

16	410606	Phạm Thị Ly	09/07/1998	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.93	Khá		
17	410611	Lưu Thị Hiền	01/06/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.82	Khá		
18	410615	Nguyễn Thị Thu Hằng	27/10/1998	Yên Bái	Nữ	Tày	Việt Nam	Ngành Luật	2021	129	2.72	Khá		
19	410623	Bùi Trần Diễm Quỳnh	26/08/1997	Hòa Bình	Nữ	Mường	Việt Nam	Ngành Luật	2021	138	2.51	Khá		
20	410653	Giàng A Vư	03/02/1995	lai châu	Nam	Mông	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.29	Trung bình		
21	410715	Vũ Thị Hoài Linh	30/04/1998	Yên Bái	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	3.03	Khá		
22	410717	Tổng Thị Thanh Thắm	05/09/1998	lai châu	Nữ	Thái	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.83	Khá		
23	410718	Lục Thị Mai Anh	24/09/1998	Lào Cai	Nữ	Phu lá	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.59	Khá		
24	410724	Lưu Thị Ngân Oanh	19/01/1998	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.99	Khá		
25	410747	Trần Thị Hà Trang	04/09/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	127	2.63	Khá		
26	410807	Hoàng Thu Hoàn	04/05/1998	Bắc Giang	Nữ	Nùng	Việt Nam	Ngành Luật	2021	133	2.6	Khá		
27	410811	Dư Công Hà Duy	18/08/1998	Thanh Hoá	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	130	2.61	Khá		
28	410813	Nguyễn Quốc Khánh	22/01/1998	Nam Định	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	127	2.77	Khá		
29	410814	Đỗ Thị Hồng	01/11/1996	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.85	Khá		
30	410816	Đặng Thị Hạnh	02/02/1998	Thái Nguyên	Nữ	Dao	Việt Nam	Ngành Luật	2021	131	2.77	Khá		
31	410824	Bùi Hải Yến	15/02/1998	Bắc Kạn	Nữ	Tày	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.73	Khá		
32	410856	Lương Thị Đài Trang	14/09/1997	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.64	Khá		
33	410919	Nguyễn Thị Mai Lan	21/08/1998	Sơn La	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	3	Khá		
34	410920	Lường Thị Hồng Diên	20/08/1997	Bắc Kạn	Nữ	Tày	Việt Nam	Ngành Luật	2021	128	2.8	Khá		
35	410922	Cầm Thị May Ly	04/08/1998	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.34	Trung bình		

36	410930	Tần Phong	Mây	09/10/1997	Lai Châu	Nữ	Dao	Việt Nam	Ngành Luật	2021	127	2.54	Khá		
37	410939	Phạm Ngọc	ánh	28/05/1998	Lào Cai	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	128	2.8	Khá		
38	410944	Phan Thị	Anh	19/02/1998	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.55	Khá		
39	410954	Linh Thị	Loan	09/07/1997	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	Ngành Luật	2021	127	2.96	Khá		
40	411010	Bùi Thị Như	ý	19/04/1998	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	127	2.79	Khá		
41	411022	Lê Ngọc	ánh	16/08/1997	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	127	3.43	Giỏi		
42	411108	Nguyễn Đình	Chính	10/09/1998	Ninh Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.41	Trung bình		
43	411109	Mai Thị Huyền	Trang	07/03/1998	Hải Dương	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	3.07	Khá		
44	411111	Nguyễn Thu	Thảo	25/08/1998	Lào Cai	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	128	2.63	Khá		
45	411113	Phạm Thu	Hằng	25/04/1998	Hải Dương	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.9	Khá		
46	411123	Liễu Thị	Thúy	06/11/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	Ngành Luật	2021	127	2.74	Khá		
47	411134	An Ngọc	Huyền	26/08/1998	Nghệ an	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.59	Khá		
48	411208	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	23/06/1998	Yên Bái	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.66	Khá		
49	411229	Hoàng Trung	Kiên	21/09/1997	Lạng Sơn	Nam	Tày	Việt Nam	Ngành Luật	2021	128	2.64	Khá		
50	411303	Nguyễn Thị	Hoa	20/01/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.87	Khá		
51	411310	Bùi Thị Thảo	Nguyên	20/12/1998	Lào Cai	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.95	Khá		
52	411332	Nguyễn Minh	Anh	18/08/1998	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	131	2.87	Khá		
53	411409	Lê Anh	Việt	14/12/1998	Nam Định	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	127	2.49	Trung bình		
54	411410	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	10/02/1998	Hà Tây	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	128	2.81	Khá		
55	411417	Hoàng Thị Thu	Huyền	17/11/1997	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.83	Khá		

56	411456	Nguyễn Văn Thuộc	19/08/1997	Hà Giang	Nam	Tày	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.74	Khá		
57	411502	Thịnh Mai Giang	18/10/1998	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	127	3.01	Khá		
58	411510	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	21/07/1998	Son La	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	129	2.79	Khá		
59	411539	Nguyễn Thị Tuyết Minh	20/08/1998	Yên Bái	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	3.06	Khá		
60	411601	Trần Thị Hà	14/02/1998	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.79	Khá		
61	411607	Tòng Văn Hải	07/10/1998	Điện Biên	Nam	Thái	Việt Nam	Ngành Luật	2021	129	2.64	Khá		
62	411612	Nguyễn Thị Khánh Linh	11/01/1998	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	129	2.66	Khá		
63	411626	Hà Thùy Trang	01/02/1998	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.75	Khá		
64	411722	Hồ Thị Thu Hà	15/08/1998	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.91	Khá		
65	411736	Phan Thị Ngọc Ánh	06/07/1998	Thái Nguyên	Nữ	Tày	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.91	Khá		
66	411741	Lê Thị Văn	20/12/1996	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	129	3.04	Khá		
67	411848	Hứa Thị Ngọc Bích	12/09/1996	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	Ngành Luật	2021	128	2.71	Khá		
68	411901	Lê Thanh Hằng	14/03/1998	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	Ngành Luật	2021	128	2.7	Khá		
69	411907	Nguyễn Thị Hạnh	04/04/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.72	Khá		
70	411917	Phí Công Đông	29/02/1996	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	133	2.43	Trung bình		
71	411931	Đinh Thị Thanh Ngân	17/04/1997	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	127	2.89	Khá		
72	412003	Nguyễn Văn Phương	22/12/1998	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	127	2.82	Khá		
73	412007	Nguyễn Anh Tú	10/12/1997	Phú Thọ	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	128	2.76	Khá		
74	412009	Đỗ Văn Thụ	12/11/1992	Bắc Giang	Nam	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	128	2.53	Khá		
75	412021	Giáp Trang Nhung	29/12/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	128	2.93	Khá		

76	412023	Lý Ngọc	Ánh	01/03/1998	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	Ngành Luật	2021	129	2.63	Khá		
77	412024	Bàn Thị	Piền	15/02/1997	Yên Bái	Nữ	Dao	Việt Nam	Ngành Luật	2021	127	2.65	Khá		
78	412052	Hoàng Văn	Chiến	24/10/1994	Hà Giang	Nam	Giáy	Việt Nam	Ngành Luật	2021	128	2.5	Khá		
79	412107	Đình Thu	Hà	09/02/1998	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	3.04	Khá		
80	412112	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/08/1998	Yên Bái	Nữ	Tày	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.97	Khá		
81	412119	Cà Thị	Phân	03/04/1998	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Ngành Luật	2021	127	2.72	Khá		
82	412136	Nguyễn Thị Lan	Hương	15/01/1998	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	130	2.89	Khá		
83	412143	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	13/08/1998	Yên khánh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	129	2.65	Khá		
84	412152	Bùi Thị	Trang	14/11/1998	Hòa Bình	Nữ	Mường	Việt Nam	Ngành Luật	2021	128	2.85	Khá		
85	412210	Nguyễn Thị	Huệ	20/04/1996	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	127	2.81	Khá		
86	412214	Hoàng Hải	Ngân	02/07/1997	Sơn La	Nữ	Kinh	Việt Nam	Ngành Luật	2021	126	2.99	Khá		
Danh sách gồm 86 sinh viên./.															

CÁN BỘ CNTT

CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÓA PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH

P.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH

Phạm Hoài Điệp

Phạm Thị Bích Liên

Nguyễn Thu Thủy